

THI CÀ VIỆT NAM CHỌN LỌC

Nguyễn Khuyến

Thơ



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

THI CA VIỆT NAM CHỌN LỌC

KIỀU VĂN

(BIÊN SOẠN - GIỚI THIỆU)

thơ
nguyễn khuyển

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

NGUYỄN KHUYẾN MỘT CON NGƯỜI, MỘT NHÀ THƠ VIỆT NAM ƯU TÚ

Nguyễn Khuyến mất cách đây đã hơn 80 năm, nhưng tên tuổi ông, hình ảnh của ông đã đi vào lòng dân tộc sao mà đậm đà thân thương đến thế !

Trước hết vì nhà thơ là một con người, một tâm hồn tiêu biểu cho bản sắc Việt Nam. Về phương diện này có thể so ông với Hồ Xuân Hương trước kia và Nguyễn Bính sau này.

Bản sắc tâm hồn Việt Nam ! Cái đặc tính dịu dàng, kín đáo, không ồn ào nhưng hóm hỉnh, trong sáng và sâu sắc, tế nhị, có lẽ là sản phẩm tinh thần độc đáo của xứ sở đồng bằng tròng lúa nước, xứ sở của những làng quê xanh ngát với những lũy tre bao bọc xung quanh ! Những đặc tính ấy đã từng làm say mê bao nhiêu du khách đến từ những đất nước xa xôi.

Mặc dù đã dự phần “bảng vàng bia đá ngàn thu”, nhưng Nguyễn Khuyến lúc nào cũng giữ

nguyên vẹn phong cách một ông già của xứ làng quê ấy, sống chan hòa với những người “chân quê” giữa đồng đất quê hương. Cảnh “bạn đến chơi nhà” là một bức tranh sinh hoạt nông thôn tiêu biểu, đậm thắm tình người :

Đã bấy lâu nay bác tới nhà
Trẻ thời đi vắng chợ thời xa.
Ao sâu nước cả khôn chài cá
Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà...
Đầu trò tiếp khách, trầu không có
Bác đến chơi đây, ta với ta.

Hình ảnh những người dân quê được ngòi bút Nguyễn Khuyến miêu tả vừa sinh động, vừa như đượm niềm triu mến sau nụ cười dí dỏm :

Hàng quán người về nghe xao xác
Nợ nần năm hết hỏi lung tung... !

Trong những cơn hoạn nạn : thiên tai địa ách, đói rét, ngoại xâm... giọng thơ của ông trở nên bi thiết trước số phận của cộng đồng mà ông là một thành viên không tách rời :

Quai Mễ Thanh liêm đã lở rồi
Vùng ta thôi cũng lụt mà thôi !
Gạo dăm ba bát cơ còn kém

Thuế một vài nguyên đáng vãn đòi...
Đi đâu cũng thấy người ta nói
Mười chín năm nay lại cát bồi !

Cái bản sắc Việt Nam ấy hòa quyện trong một thiên nhiên Việt Nam đặc sắc và hữu tình. Cảnh nông thôn trong thơ Nguyễn Khuyến là những tác phẩm Thơ - Họa tuyệt tác, làm rung động mọi tâm hồn Việt Nam. :

Cá vượt khóm rau lên mặt nước
Bướm len lá trúc lượn rềm thưa !

(Vịnh mùa hè)

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo...

Là bậc danh nho, từng đỗ đầu cả Tam trường (Tam nguyên), Nguyễn Khuyến có nhiều trước tác uyên thâm bằng Hán văn - Nhưng khác với nhiều nhà Hán học, ông chủ tâm dùng chữ Hán để miêu tả sinh hoạt, phong cảnh và con người Việt Nam. Ông đã "Việt hóa" nội dung thơ chữ Hán. Thật kỳ thú khi đọc những câu thơ dịch từ chữ Hán mà mang phong vị Việt Nam đến thế:

Cóc vỗ con kiến tha mồi
Chim rình bọ ngựa đang ngồi bắt ve.

Hoặc :

Hạt quýt ngoài vườn chờ nứt vỏ
Giò tiên trong chậu chứa bung hoa.

Hoặc :

Ngang trời một tiếng chim ca
Nhà bên con trẻ nghe nga học bài.

Hoặc :

Vải chín, bà hàng bung quả biếu
Cá tươi, lão giặm nhắc nôm chào !

*Quả thật chẳng còn thấy cái chất “Hán học” ở
đâu cả !*

*Có nhiều bài thơ chữ Hán của mình, chính
ông lại dịch ra thơ nôm (chắc chắn vì sức hấp dẫn
mãnh liệt của thơ nôm, của tiếng nói dân tộc), và
trở thành những bài thơ hay, như bài “Khóc Dương
Khuê”.*

Bác Dương, thôi đã thôi rồi
Nước mây man mác, ngậm ngùi lòng ta !

...

Làm sao bác vội về ngay
Thoạt nghe tôi đã chân tay rụng rời !

Không chỉ là một tâm hồn Việt Nam tiêu biểu, Nguyễn Khuyến còn là một nhân cách Việt Nam tiêu biểu ở thời đại bấy giờ. Đó là thời đại mất nước, dân tộc bị chà đạp. Rất nhiều kẻ xuất thân “sĩ phu” đã làm tay sai cho giặc như Hoàng Cao Khải. Bản thân Nguyễn Khuyến cũng đã trót dấn thân vào con đường hoạn lộ. Nhưng với nhỡn quan sắc bén, ông nhìn rõ chân tướng của thời đại ông. Giữ vững phẩm cách của một người yêu nước chân chính, ông dứt khoát vứt bỏ mọi thứ vinh hoa phú quý, “treo ấn từ quan”, giả đui giả điên, trở về nơi thôn dã sống với nhân dân:

Bôn ba vừa chục năm tròn
Trở về may mắn ta còn là ta !

Ông chấp nhận cảnh sống bần bách suốt đời:

Quản chi công nợ có là bao
Nay đã nên to đến thế nào ?
Lãi mẹ lãi con sinh đẻ mãi
Chục năm chục bảy tính nhiều sao !

Thậm chí ông đã “nắm” mùi đói rét :

Thương ta đau ốm nghèo nàn
Phong trần lại quá ươn hèn hơn ai.

Tuổi già mình chẳng có tài
Lấy gì chống đỡ những ngày gieo neo ?
Không ăn, cái bụng đói meo
Ăn vào, cái nhục mang theo bên người !

(Có người cho thịt)

*Thế nhưng nỗi buồn về “sự nghèo” vẫn không
ác liệt day dứt bằng nỗi đau của một con người ưu
thời mãi thế, đau nước đau nôi :*

Bạn già lớp trước nay còn mấy ?
Chuyện cũ mười phần chín chẳng như !

Hay :

Rừng xanh núi đỏ hơn ngàn dặm
Nước độc ma thiêng mấy vạn người.
Khoét rộng ruột gan trời đất cả
Phá tung phen giậu hạ đi rồi !

Hay :

Năm trăm năm cũ nơi văn vật
Còn sót hòn non một nắm tro !

(Hồ Hoàn Kiếm)

*Một nhân cách thực sự cao cả làm sao có thể chịu
khoanh tay bó gối trước cuộc đời ngang trái ?*

Vậy Nguyễn Khuyến đã “xử thế” cách nào cho xứng với tầm vóc của ông ? Biết mình không có khả năng làm chính trị, ông quay ra làm văn hóa ! Ông làm thơ, làm câu đối, ca trù... cho mọi người thưởng thức. Ông sáng tạo ra thứ Văn Thơ Trào Phúng sâu sắc, chua cay, chĩa mũi dùi đả kích vào cái cuộc đời đồi bại và lố bịch bấy giờ. Dưới ngòi bút của ông hiện ra một triều đình “hề” :

Vua chèo còn chẳng ra gì
Quan chèo vai nhỏ khác chi thằng hề !

một lũ quan lại tham nhũng :

Có tiền việc ấy mà xong nhỉ
Đời trước làm quan cũng thế a ?

(Kiều bán mình)

một bà đầm thực dân :

Bà quan têngh ngêch xem bơi chải.

một ông quan ta bị tây đá đít bằng “giày móng lợn”, một ông nghề rơm :

Cũng cò cũng biển cũng cân đai
Cũng gọi ông nghề có kém ai !

một cô “me tây”

Cái gái đời này gái mới ngoan
Quyết lòng ầu chiến với Tây quan
Ba vương phát phối cờ bay dọc
Một bức tung hoành váy xắn ngang !

*Ông cũng cảnh tỉnh cả đám “dân ngu” chưa
nhận ra cái nhục mất nước :*

Cây súc, cây đu nhiều chị nhún
Tham tiền, cột mỡ lắm anh leo

Khen ai khéo vẽ trò vui thế
Vui thế bao nhiêu nhục bấy nhiêu !

(Hội Tây)

*Thơ trào phúng của Nguyễn Khuyến khác nào
một ngọn đuốc soi đường cho lương tri của dân tộc
trong một thời đêm tối, giúp mọi người thấy rõ
phải quấy, chính tà.*

*Với cốt cách của một bậc “hiền tài quốc gia”,
Nguyễn Khuyến đã xoay chuyển được ván cờ sự
nghiệp của đời mình, biến bại thành thắng. Thay vì
cái kết thúc đáng buồn của một sĩ phu bất phùng
thời, bất đắc chí, chịu chấp nhận “thân bại danh
liệt”, Nguyễn Khuyến đã lập nên một sự nghiệp
văn chương chói lọi ngàn thu, làm rạng danh cho*

cả dân tộc ! Đồng thời ông nêu một gương sống vô cùng cao quý.

Mặc dù mang nỗi đau đời lớn lao trong lòng, nhưng ông đã vượt được ra ngoài tâm trạng u ám của một nhân vật bi kịch. Thực vậy, Nguyễn Khuyển là con người tuyệt vời đã biết tìm và biết hưởng thụ niềm vui chân chính của cuộc sống. Thơ ông, bên cạnh cái cười thâm thúy, còn là bài ca về cuộc sống tươi đẹp, cuộc sống tuy có những đau khổ không cùng nhưng vẫn "không đáng chán".

Ông đã sống với thiên nhiên, với non sông đất nước bằng tất cả tâm tình :

Mặt nước mênh mông nổi một hòn...

Dầu già đã hần hơn ta chữa ?

Chống gậy lên cao gối chẳng chồn.

(Vịnh núi An Lão)

Tựa gối buông cần lâu chẳng được

Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

(Thu điếu)

Mảnh vườn cũng lắm thú ghê

Ghế bên ngồi nghỉ tí tê một mình.

(Vườn nhỏ)

Ông đã sống thấm thiết với tình bạn tri âm :

Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước
Vẫn sớm hôm tối bắc cùng nhau
Kính yêu từ trước đến sau
Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời ?

(Khóc Dương Khuê)

*Ông cũng tìm được nguồn vui chan chứa trong
mối quan hệ với xóm giềng, với nhân dân lao động
xung quanh ông :*

Cách giậu mời ông hàng xóm chén
Chuyện tràn thóc lúa với tầm tơ

(Giải buồn)

*Nguyễn Khuyến cũng có một thứ bậc cao trong
lòng say Việt Nam Kim cổ :*

Đời trước thánh hiền đều vắng vẻ,
Có người say rượu tiếng còn nay.
Cho nên say, say khướt cả ngày
Say mà chẳng biết rằng say ngã đùng !

(Uống rượu ở vườn Bùi)

Có thể nói, ông đã tìm được nguồn an lạc trong cuộc sống hàng ngày, và có lẽ vì vậy ông đã được hưởng chữ thọ :

Phận thua suy tính càng thêm thiệt
Tuổi cả chơi bởi họa sống lâu
Em cũng chẳng no mà chẳng đói
Thung thăng chiếc lá, rượu lung bầu.

(Lụt hỏi thăm bạn)

Thơ lại chén, chén lại thơ
Thanh thời ta vẫn ưa nhà ta hơn

(Tự thuật)

*

Chính vì mang một nhân cách lớn, một bản sắc Việt Nam độc đáo, một tâm hồn thấm thiết một văn tài kiệt xuất và một cách xử thế đúng đắn, Nguyễn Khuyến là một con người và một nhà thơ ưu tú vào bậc nhất ở thời đại ông. Và “cụ Yên Đỗ” mãi mãi sống trong tâm hồn chúng ta thật là thân thương, thật là triu mến !

KIỀU VĂN

Lúc hứng, uống thêm dăm chén rượu
Khi buồn ngâm lão một câu thơ.
Bạn già lớp trước nay còn mấy ?
Chuyện cũ mười phần chín chẳng như.

NGUYỄN KHUYẾN

I. THƠ NÔM

Về hay ở

*Văng vẳng tai nghe tiếng chích chòe
Lặng đi kéo động khách lòng quê.
Nước non có tớ càng vui vẻ,
Hoa nguyệt nào ai đã đắm mê ?
Quyên đã gọi hè quang quác quác,
Gà từng gáy sáng tẻ tẻ te.
Lại còn giục già về hay ở ?
Đôi gót phong trần vẫn khỏe khoe.*

Trở về vườn cũ

Vườn Bùi ⁽¹⁾ chốn cũ,
 Bốn mươi năm lự khự lại về đây.
 Trông ngoài sân đua nở mấy chồi cây,
 Thú khâu hác lâm tuyền ⁽²⁾ âu cũng thế.
 Bành Trạch ⁽³⁾ cầm xoang ngâm trước ghế,
 Ôn công ⁽⁴⁾ rượu nhạt chuốc chiều xuân.
 Ngọn gió đông ngảnh lại lệ đầm khăn
 Tính thương hải tang điền qua mấy lớp ?
 Ngươi chớ giận Lỗ Hâu ⁽⁵⁾ chẳng gặp.
 Như lơ phơ tóc trắng lại làm chi
 Muốn về sao chẳng về đi ?

(Tác giả tự dịch bài Bùi viên cựu trạch ca)

(1) Vườn Bùi : thôn Vị Hạ, xã Yên Đỗ, nay là xã Trung Lương, huyện Bình Lục (Nam Hà) quê hương Nguyễn Khuyến.

(2) Khâu hác : gò và khe ; Lâm tuyền : rừng và suối.

(3) Bành Trạch : tên một huyện cũ thuộc tỉnh Giang Tây (Trung Quốc).

(4) Ôn công : tức Tư Mã Quang, khi cáo quan về ở ẩn chỉ uống rượu tiêu sấu.

(5) Lỗ Hâu : tức Lỗ Bình Công.

Uống rượu ở vườn Bùi

Túy Ông ⁽¹⁾ ý chẳng say về rượu,
 Say vì đâu, nước thả với non cao.
 Non lặng ngắt, nước tuôn ào,
 Tôi với bác xưa nay cùng thích thế.
 Đồi trước thánh hiền đều vắng vẻ,
 Có người say rượu tiếng còn nay.
 Cho nên say, say khướt cả ngày,
 Say mà chẳng biết rằng say ngã đùng.

Chu Bá Nhân ⁽²⁾ thuở trước sang sơn ;
 Chỉ tỉnh rượu ba ngày không phải ít.
 Kêu gào thế cười chỉ cho mệt,
 Chớ buồn chi nghe tiếng hát làng say
 Xin người găng cạn chén này.

(Tác giả tự dịch bài «Bùi viên đối ẩm”
 trích cú ca”)

(1) Túy Ông : “Ông say” tên hiệu của Âu Dương Tu đời Tống.

(2) Chu Bá Nhân : Chu Nghị.

Nghe hát đêm khuya

*Một khúc đêm khuya tiếng đã chầy,
Nửa chén mặt nước, nửa từng mây.
Nghĩ mình vườn cũ vừa lui bước,
Ngán kẻ phương trời chẳng dứt dây.*

*Bẻ liễu thành Đài thôi cũng xếp, ⁽¹⁾
Trông lan ngô tối ngát nào hay ?
Từ xưa mặt ngọc ai là chẳng,
Chén rượu bên đèn luống tỉnh say.*

(1) Bẻ liễu thành Đài : tác giả dẫn điển Hán Hoành đời Đường, lấy một danh kĩ là Liễu thị ở phố Chương Đài, Trường An, sau đi làm quan xa, để Liễu thị ở lại đó ba năm, không đón đi được, nên làm bài "Chương Đài liễu" để thăm.

Tự trào

Cũng chẳng giàu mà cũng chẳng sang,
Chẳng gầy, chẳng béo chỉ lằng nhằng,
Cờ đương dở cuộc không còn nước,
Bạc chữa trâu canh đã chạy làng.
Mở miệng nói ra gân bát sách,
Mềm môi chén mãi tít cung thang.
Nghĩ mình lại góm cho mình nhĩ,
Thế cũng bìa xanh, cũng bảng vàng.

Tự thuật

*Tháng ngày thấm thoát tựa chim bay,
Ông ngắm mình ông, nghĩ cũng hay.
Tóc bạc bao giờ không biết nhỉ ?
Răng long ngày trước hầy còn đây.
Câu thơ được chữa, thưa rằng được.
Chén rượu say rồi, nói chữa say.
Kẻ ở trên đời lo lắng cả,
Nghĩ ra ông sợ cái ông này.*

Ngày xuân dẫn các con

*Tuổi thêm, thêm được tóc râu phờ,
Nay đã năm mươi có lẽ ba.
Sách vở ích gì cho buổi ấy,
Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già.
Xuân về ngày loạn càng lơ lảo,
Người gặp khi cùng cũng ngất ngơ.
Lần thân lấy chi đèn tác bóng,
Sao con đàn hát vẫn say sưa ?*

(Tác giả tự dịch bài «Xuân nhật thị chư nhi»)

Lên lão

Ông chẳng hay ông tuổi đã già,
 Năm lẫn ông cũng lão đây mà.
 Anh em làng xóm xin mời cả,
 Xôi bánh, trâu heo cũng gọi là.
 Chú Đáo bên làng lên với tớ,
 Ông Từ xóm chợ lại cùng ta.
 Bây giờ đến bậc ăn dung nhỉ, ⁽¹⁾
 Có rượu thời ông chống gậy ra.

(1) Ăn dung : ăn không.

Ông phong đá

*Ông đứng làm chi đó hỡi ông ?
Trơ trơ như đá, vững như đồng.
Đêm ngày gìn giữ cho ai đó ?
Non nước đầy vơi có biết không ?*

Ông phỗng đá

Người đâu tên họ là gì ?
 Khéo thay chích chích chi chi ⁽¹⁾ nực cười.
 Dang tay ngửa mặt lên trời,
 Hay còn lo tính sự đời chi đây ?
 Thấy phỗng đá lạ lòng muốn hỏi.
 Có làm sao len lỏi đến chi đây ?
 Hay tưởng trông cây cỏ nước non này,
 Chí cũng rắp đan tay vào hội lạc ⁽²⁾
 Thanh sơn tự tiểu đầu tương hạc,
 Thương hải thùy tri ngã diệc âu. ⁽³⁾

Thôi cũng đừng chấp chuyện đâu đâu,
 Túi vũ trụ mặc đàn sau gánh vác.
 Duyên hội ngộ là duyên tuổi tác,
 Chén chú, chén anh, chén tôi, chén bác,
 Cuộc tỉnh say, say tỉnh một vài câu.
 Nên chăng đá cũng gặt đâu !

(1) Chích chích chi chi : ngây ngô, khờ khạo.

(2) Hội lạc : một hội hưởng vui của một số nhà thơ về đời Tống.

(3) Câu này và câu trên ý nói : ta tự cười đầu đã bạc phơ như đầu chim hạc trong chốn núi xanh, ai có hay đâu ta cũng như con chim âu, ung dung nơi bãi biển xanh.

Lời gái góa

Chàng chẳng biết gái này gái góa,
 Buồn nằm sông, sông cả áo com.
 Khéo thay cái mụ tá ươm, ⁽¹⁾
 Dem chàng tuổi trẻ ép làm lứa đôi.
 Chàng tuổi trẻ chơi bời quên nhọc,
 Gái già này sức vóc được bao ?
 Muốn sao, chiều chẳng được sao.
 Trước tuy sum họp, sau nào được lâu ?

Lấy chồng vốn nhờ câu ăn mặc,
 Chẳng ngờ rằng đôi rách hồ người;
 Vốn xưa cha mẹ dặn lời,
 Tư bôn ⁽²⁾ lại phải kẻ cười người chê.
 Hỡi mụ hỡi, thương chi thương thế ?
 Thương thì hay, nhưng kế chẳng hay.
 Thương thì gạo vãi cho vay,
 Lấy chồng thì gái góa này xin van !

(Tác giả tự dịch bài «Li phụ hành»)

1. Mụ tá ươm : chỉ người mai mối.

2. Tư bôn : chỉ người con gái trốn nhà đi theo trại.

Anh giả điếc

Trong thiên hạ có anh giả điếc,
Khéo ngoe ngoe ngác ngác, ngỡ là ngây !
Chẳng ai ngờ “sáng tai họ, điếc tai cày”,
Lối điếc ấy sau này em muốn học.

Tọa trung đàm tiếu, nhân như mộc
Dạ lí phan viên, nhĩ tự hầu. ⁽¹⁾

Khi vườn sau, khi ao trước; khi điều thuốc, khi
miếng trâu.

Khi chè chuyên năm bảy chén, khi Kiều lấy một
đôi câu;

Sáng một chốc, lâu lâu rồi lại điếc
Điếc như thế ai không muốn điếc ?
Điếc như anh dễ bắt chước ru mà !
Hỏi anh, anh cứ âm ả.

1. Hai câu chữ Hán ý nói : khi mọi người ngồi nói chuyện và cười cợt thì ngây ra như gỗ, nhưng đêm khuya leo trèo thì lanh lẹn như con khỉ.

Chế ông đồ Cự Lộc

Văn hay chữ tốt ra tuồng,
 Văn dai như chấu, chữ vuông như hòm.
 Vẽ thầy như vẽ con tôm,
 Vẽ tay ngoáy cạm, vẽ mồm húp tương.
 Vẽ lịch sự ai bằng thầy Cự Lộc,
 Vẽ cô đầu nói móc có vài câu :
 Anh chẳng sang, mà cũng chẳng giàu.
 Hầu bao nịch, rận bầu quanh chiếu ;
 Khăn nhuộm lờ lờ mùi nước đieu,
 Nón sơn không méo cũng không tròn.
 Quần vải thô, ngại giặt ngả màu son,
 Giày cóc găm, nhặt dây đàn khâu lầy.
 Phong lưu ấy, mà tình tính ấy,
 Đến cô đầu, vẫn thấy lả lơi bông,
 Xinh thay diện mạo anh hùng !

Mẹmốc

So danh giá ai bằng mẹ Mốc,
 Ngoài hình hài, gấm vóc chẳng thêm ra ; ⁽¹⁾
 Tấm hồng nhan đem bôi lấm xóa nhòa,
 Làm thế để cho qua mắt tục.
 Ngoài mào bát câu như mĩ ngọc,
 Tâm trung thường thủ tự kiên kim ⁽²⁾
 Nhớ chồng con muôn dặm xa tìm,
 Giữ son sắt êm đêm một tiết. ⁽³⁾
 Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết,
 Mạnh gương trinh vàng vặc quyết không nhợt,
 Đắp tai ngảnh mặt làm ngọc,
 Rằng khôn cũng kệ, rằng khờ cũng thầy.
 Khôn kia dễ bán đại này !

1. Mẹ Mốc điên, xé quần xé áo, nên chỉ trơ có tấm thân không che đậy.

2. Câu này và câu trên đại ý nói : mặt ngoài không cần đẹp như ngọc, nhưng trong lòng hằng giữ bền như vàng.

3. Tiết : khí tiết.

Mừng con dựng được nhà

*Nghĩ ta, ta cũng sướng ru mà,
Mừng thấy con ta dựng được nhà
Năm mới lệ thường thêm tuổi một,
Cỗ phe ngôi đã chóc bàn ba.⁽¹⁾*

*Rượu ngon đến bữa nghiêng bầu dốc,
Chữ “dại” đầu năm xỏ túi ra.⁽²⁾
Một khóm thủy tiên năm bảy cụm,
Xanh xanh như sắp thập thò hoa.*

1. Bữa tiệc do phe giáp, một tổ chức nhỏ trong làng, làm lễ mừng thọ các bậc bề lão. Ở đây ý nhà thơ cũng đã vào bậc bề lão 60 tuổi trở lên rồi.

2. ý nói ngâm vịnh nhiều.

Vịnh tiến sĩ giấy

I

Rõ chú hoa man ⁽¹⁾ khéo vẽ trò,
Bõn ông mà lại dứ thẳng cu.
Mây râu mặt đỏ chùng bao tuổi,
Giấy má nhà bay đáng mấy xu ?
Bán tiếng mua danh thầy lũ trẻ,
Bảng vàng bia đá vẫn nghìn thu.
Hỏi ai muốn ước cho con cháu,
Nghĩ lại đời xưa mấy kiếp tu.

II

Cũng cò, cũng biển, cũng cân đai.
 Cũng gọi ông nghề có kém ai.
 Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng, ⁽²⁾
 Nét son điểm rõ mặt văn khôi. ⁽³⁾
 Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ ?
 Cái giá khoa danh thế mới hời ! ⁽⁴⁾
 Ghế treo, lọng xanh ngời bảnh chọe,
 Nghĩ rằng đồ thật hóa đồ chơi !

-
1. Hoa man : người thợ làm nghề hàng mã.
 2. Giáp bảng : bảng để tên từ học vị tiến sĩ trở lên.
 3. Văn khôi : đầu làng văn. Ở đây chỉ người có đỗ đạt cao.
 4. Hời : giá rẻ.

Lời vợ anh phường chèo

Xóm bên đông có phường chèo trọ,
 Đương nửa đêm gọi vợ chuyện trò :
 Rằng : “ta thường làm quan to,
 Sao người coi chẳng ra trò trống chi ?”
 Vợ giận lắm mắng đi mắng lại :
 “Tuổi đã già sao đại như ri ?
 Đêm hôm ai chẳng biết chi,
 Người ta biết đến thiếp thì hổ thay !
 Ở đời có hai điều nên sợ :
 Sống chết người, quyền ở trong tay.
 Thế mà chàng đã chẳng hay.
 Còn ai sợ đến phường này nữa chẳng ?
 Vả chàng vẫn lãnh nhăng tưng kiết,
 Cuộc sinh nhai chèo hát qua thì,
 Vua chèo còn chẳng ra gì,
 Quan chèo vai nhỏ ⁽¹⁾ khác chi thằng hề”.

1. Vai nhỏ: người đóng trò bôi mặt lem nhem.

Bồ tiên thi⁽¹⁾

Chú huyện Thanh Liêm khéo giở trò,
 “Bồ tiên thi” lại lấy vắn bờ.
 Nghênh ngang võng lọng nhờ ông sứ,
 Ngọng nghẹo văn chương giở giọng ngô.
 Bồ chứa miệng dân chùng bật cạp,
 Tiên⁽²⁾ là ý chú muốn vôi xu !
 Từ vàng sao chẳng luôn từ bạc,
 Không khéo mà roi nó phết cho.

1. Bồ tiên : cái roi bằng cỏ bồ mà Lưu Khoan, một ông quan đời Hán nổi tiếng nhân từ, dùng để đánh tội nhân. Dựa vào điển này, tên tri huyện đã mở cuộc thi thơ và ra đầu đề là “bồ tiên thi” ngầm ý khoe mình là người biết thương dân.

2. Tiên : “tiên” nghĩa là cái roi, đồng âm với chữ “tiên” nghĩa là đồng xu.

Vịnh núi An Lão

Mặt nước mênh mông nổi một hòn,
Núi già nhưng tiếng vẫn còn non, ⁽¹⁾
Mảnh cây thừa thớt đầu như trọc,
Ghềnh đá long lay ngán chửa mòn.
Một lá ⁽²⁾ về đâu xa thăm thẳm,
Nghìn nhà trông xuống bé con con.
Dẫu già đã hẳn hơn ta chửa ?
Chống gậy lên cao gối chẳng chồn !

1. Tác giả chơi chữ, tên núi là An Lão (lão : già) nhưng người ta thường nói “núi non”.

2. Lá : con thuyền.

Nhớ cảnh chùa Đọi

*Già yếu xa xôi bấy đến nay,
Làng chơi loáng thoáng lại buồn thay !
Chùa xưa ở lẫn cùng cây đá,
Sư cụ nằm chung với khói mây
Dặm thế ngỗ đâu tầng trúc ấy,
Thuyền ai khách đợi bến đâu đây ?
Chuông trưa vắng tiếng người không biết,
Trâu thả sừng non ngủ gốc cây.*

(Tác giả tự dịch bài «Ức Long Đọi sơn»)

Chợ Đông

Tháng chạp hai mươi bốn chợ Đông,
Năm nay chợ họp có đông không ?
Dở trời, mưa bụi còn hơi rét.
Ném rượu, tường đèn ⁽¹⁾ được mấy ông ?
Hàng quán người về nghe xáo xác,
Nợ nần năm hết hỏi lung tung.
Dăm ba ngày nữa tin xuân tới.
Pháo trúc ⁽²⁾ nhà ai một tiếng đùng.

1. Chợ Đông họp ngay ở bên cạnh một ngôi đền. Xung quanh đền lại đắp tường đất dày bao bọc, gọi là tường đèn.

2. Pháo trúc : trúc đốt trong lửa, có tiếng nổ to.

Chơi chợ trời Hương Tích

*Ai đi Hương Tích chợ trời đi !
Chợ họp quanh năm cả bốn thì.
Đôi chác người tiên cùng khách bụi,
Bán buôn gió chị lại trăng đi.
Yến anh chào khách nhà mây tỏa,
Hoa quả bày hàng điểm cỏ che.
Giá áo, lợn, tằm, tiền, gạo đủ.
Bán mua mặc ý muốn chị chi.*

Chơi núi Non Nước⁽¹⁾

Chom chồm trên sông đá một hòn,
 Nước trôi sóng vỗ biết bao mòn ?
 Phơ đầu đã tự đời Bàn Cổ,⁽²⁾
 Bia miệng còn đeo tiếng trẻ con.
 Rừng cúc tiền triều⁽³⁾ trơ mốc thối,
 Hòn câu Thái phó⁽⁴⁾ tảng rêu tròn.
 Trái bao trắng gió xuân già giặt,
 Trời dẫu già, nhưng núi vẫn non.

1. Núi Non Nước, một thắng cảnh nằm ven bờ sông Đáy ở thị xã Ninh Bình.

2. Bàn Cổ : Ông Bàn Cổ sinh từ lúc mới có trời đất.

3. Tiền triều : triều vua thời trước.

4. Hòn câu thái phó : tảng đá mà thái phó Trương Hán Siêu đã ngồi câu cá.

Than mùa hè

Tháng tư đầu mùa hạ,
Tiết trời thực oi ả,
Tiếng đế kêu thiết tha,
Đàn muỗi bay toí tả.
Nỗi ấy ngổ cùng ai,
Cảnh này buồn cả dạ.
Biếng nháp năm canh chầy,
Gà đã sớm giục già.

Vịnh mùa hè

*Biếng trông trời hạ nước non xa,
Ý khí ngày thường nghĩ đã tro.
Cá vượt khóm rau lên mặt nước,
Bướm len lá trúc lượn rềm thưa.
Thơ Đào ⁽¹⁾ cửa miêng đưa câu rượu
Xóm Liễu ⁽²⁾ quanh khe chịu tiếng khờ.
Nhân hứng cũng vừa toan cất chén,
Sấm đông rậm rạp gió nồm đưa.*

(Tác giả tự dịch bài "Hạ nhật ngẫu hứng")

1. Đào tức là Đào Tiềm đời Tấn.

2. Liễu Tôn Nguyên bị vua bắt tội, phải về quê, tự cho mình là ngu dại.

Thu vịnh

*Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.
Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào ?
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào ⁽¹⁾*

1. Ông Đào : Đào Tiềm.

Thu điều

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối, buông cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Thu ẩm

Năm gian nhà cỏ thấp le te,
Ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe.
Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt,
Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.
Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt ?
Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe.
Rượu tiếng rằng hay, hay chả mấy.
Độ năm ba chén đã say nhè.

Thầy đồ ve gái góa

Người bảo rằng thầy yêu cháu đây,
 Thầy yêu mẹ cháu có ai hay !
 Bắc cầu, câu cữ ⁽¹⁾ không hờ hững,
 Cầm kính, tình xưa ⁽²⁾ vẫn đắng cay.
 Ở góa thế gian nào mấy暮 ?
 Đi ve thiên hạ thiếu chi thầy ?
 Yêu thầy cũng muốn cho thầy dạy,
 Dạy cháu nên rồi mẹ cháu ngây.

(Tác giả tự dịch bài "Thiền sư")

1. Do câu đa dao :

“Muốn sang thì bắc cầu kiều...”

2. Do câu ca dao:

“Trách người quân tử vô tình,
 Có gương mà để bên mình không soi”

Ý nói : người đàn bà góa chê thầy đồ nhất gan, không dám mạnh bạo hơn trong việc ve gái.

Muốn lấy chồng

*Bực gì bằng gái chực phòng không ?
Tơ tưởng vì chung một tấm chồng.
Trên gác rồng mây ngao ngán đợi,
Bên trời cá nước ngán ngơ trông.
Mua vui, lắm lúc cười cười gượng,
Giả dại, nhiều khi nói nói bông.
Mới biết có chồng như có cánh,
Giang sơn gánh vác nhẹ bằng lông.*

Mừng ông nghề mới đồ

Anh mừng cho chú đồ ông Nghè,
 Chẳng đồ thì trời cũng chẳng nghe.
 Ân tứ⁽¹⁾ dăm dẫu coi rẻ rúng,
 Vinh qui ất hẳn rước từng xoe.
 Rượu ngon ả nọ khôn đường tránh,⁽²⁾
 Hoãn⁽³⁾ đẹp nàng này khó nhẽ che.
 Hiên quý đến nay đà mới rõ,
 Rõ từ những lúc tổng chưa đe.⁽⁴⁾

1. Ân tứ : ơn vua ban.

2. Câu này rút ý câu ca dao :

Em là con gái đồng trinh.

Em đi bán rượu qua dinh ông Nghè.

Ông Nghè sai lính ra ve,

- Trăm lạy ông Nghè, tôi đã có con.

- Có con thì mặc có con.

Thất lung cho giòn mà lấy chồng quan.

3. Hoãn : một loại hoa tai vàng.

4. Câu này rút ý câu tục ngữ :

Chưa đồ ông Nghè đã đe hàng tổng.

Hỏi thăm quan tuần mất cướp

*Tôi nghe kẻ cướp nó lên ông,
Nó lại lôi ông đến giữa đồng.
Lấy của đánh người quân tặc nhĩ !
Thân già da cóc có đau không ?
Bây giờ mới khẽ sây da trán,
Ngày trước đi đâu mất mấy lông.
Thôi cũng đừng nên ki cốp nữa.
Kẻo mang tiếng đại với phường nông !*

Tặng đốc học Hà Nam

Ai rằng ông đại với ông diên,
 Ông đại sao ông biết lấy tiền ?
 Cậy cái bảng vàng treo nhị giáp,
 Khoét thằng mặt trắng (1) lấy tam nguyên (2)
 Dấu nhà vừa thoát sung trâu đỏ,
 Phép nước xin chừa móng lợn đen (3)
 Chỉ cốt túi mình cho nặng chắt,
 Trăm năm mặc kệ tiếng chê khen.

1. Thằng mặt trắng : do câu "Bạch diện thư sinh" chỉ người học trò.

2. Tam nguyên : ba đồng bạc ; còn đồng âm với chữ "Tam nguyên" là đồ đầu luôn ba khoa : thi hương, thi hội và thi đình.

3. Móng lợn đen : ám chỉ việc ông đốc học này đã có lần bị Tây đá dít.

Đi Cầu Nôm⁽¹⁾

Thiên hạ bao giờ cho hết đi ?
Trời sinh ra cũng để mà chơi !
Đẽ mấy khi làm đi gặp thời,
Chơi thủng trống long dùi âu mới thích
Đi bao tử càng chơi càng lịch,
Tha hồ cho khúc khích chị em cười :
Người ba đấng, của ba loài,
Nếu những như ai thì đi mốc.
Đĩ mà có tàn, có tán, có hương án, có bàn đọc⁽²⁾
Khá khen thay làm đi có tông⁽³⁾

Khắp giang hồ chẳng chốn nào không.
 Suốt Nam Bắc Tây Đông đều biết tiếng.
 Dĩ mười phương chơi cho đủ chín,
 Còn một phương để nhịn lấy chồng.
 Chém cha cái kiếp đào hồng, ⁽⁴⁾
 Bận với kẻ anh hùng cho đứng số.
 Vợ bọm, chồng quan, danh phận đó,
 Mai sau ngày giỗ có vẫn nôm.
 Cha đời con Dĩ Cầu Nôm.

-
1. Cầu Nôm thuộc làng Đại Đồng ở Hải Hưng.
 2. Có lẽ ở đây nhà thơ nói đến Tư Hồng, một nhân vật lúc ấy làm đĩ lấy Tây.
 3. Có tông : có nòi.
 4. Kiếp đào hồng : Kiếp trăng hoa.

Mình đốc học Hà Nam

Ông làm đốc học bấy lâu nay,
Gần đó mà tôi vẫn chưa hay.
Tóc bạc răng long chừng đã cụ,
Khăn thâm áo thụng cũng ra thầy.
Học trò kẻ chợ trâu dăm miếng,
Khảo khóa ngày xưa quyển một chầy.⁽¹⁾
Bổng lộc như ông không mấy nhĩ?
Ăn tiêu nhờ được chiếc lương Tây.

1. Một chầy : tức một tiền. Ngày xưa, mỗi thí sinh khi vào nộp quyển khảo thi, phải nộp kèm theo một tiền (60 đồng kẽm).

Hội Tây

*Kìa hội thăng bình ⁽¹⁾ tiếng pháo reo :
Bao nhiêu cờ kéo với đèn treo.
Bà quan tênh nghếch xem bơi trái,
Thằng bé lom khom ghé hát chèo.
Cây sức cây đu nhiều chị nhún,
Tham tiền cột mỡ lắm anh leo.
Khen ai khéo vẽ trò vui thế,
Vui thế bao nhiêu nhục bấy nhiêu !*

1. Hội thăng bình : hội mừng được thái bình, vui vẻ. Ở đây ý nói hội mừng cách mạng tư sản Pháp thành công.

Hoài cổ⁽¹⁾

*Nghĩ chuyện đời xưa cũng nực cười,
 Sự đời đến thế, thế thời thôi !
 Rừng xanh núi đỏ hơn ngàn dặm,
 Nước độc ma thiêng mấy vạn người.
 Khoét ruột gan trời đất cả,
 Phá tung phen giậu hạ di⁽²⁾ rồi.
 Thôi thôi đến thế thời thôi nhĩ,
 Máy trắng về đâu nước chảy xuôi.⁽³⁾*

1. Bài này tuy đầu đề là "hoài cổ" nhưng thực ra nhà thơ muốn nói lên cảnh thực dân Pháp bắt dân ta đi phu khai mỏ ở miền núi, đắp đường xe lửa v.v... bị chết nhiều.

2. Ý nói đất nước ta.

3. Ý nói : vận mệnh của đất nước hồi bấy giờ chẳng khác nào như mây trôi dạt, nước chảy xuôi.

Cuộc kêu cảm hứng

*Khắc khoải đưa sầu giọng lửng lơ,
Ấy hồn Thục đế thác bao giờ ?
Năm canh máu chảy đêm hè vắng,
Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ.
Có phải tiếc xuân mà đứng gọi,
Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ.
Thâu đêm róng rã kêu ai đó,
Giục khách giang hồ dạ ngán ngờ.*

Chôn quê

Năm nay cây cấy vẫn chân thua,
Chiêm mất đàng chiêm, mùa mất mùa.
Phần thuế quan Tây, phần trả nợ,
Nửa công đũa ở, nửa thuê bò.
Sớm trưa dưa muối cho qua bữa,
Chợ búa trâu chè chẳng dám mua.
Tần tiện thế mà không khá nhỉ ?
Nhờ trời rồi cũng mấy gian kho.

Than nợ

Quản chi công nợ có là bao !
 Nay đã nên to đến thế nào ?
 Lãi mẹ lãi con sinh đẻ mãi,
 Chục năm chục bảy tính nhiều sao ?
 Ra đường kẻ cả dùng chân hỏi, ⁽¹⁾
 Vào cửa người sang ngửa mặt chào. ⁽²⁾
 Quyết chí phen này trang trải sạch,
 Cho đời rõ mặt cái thẳng tao.

1. Câu này ý nói : vay nợ của nhiều người nên ra đường ai gặp cũng hỏi nợ.

2. Câu này ý nói : vì có nợ nên khi vào nhà chủ nợ phải tỏ thái độ vồn vã, kính trọng.

Nước lụt Hà Nam

Quai Mễ Thanh Liêm đã lở rồi,
Vùng ta thôi cũng lụt mà thôi
Gạo dăm ba bát cơ còn kém,
Thuế một vài nguyên đáng vẫn đòi.
Tiếng sáo vo ve chiều nước vọng.
Chiếc thuyền len lỏi bóng trăng trôi.
Đi đâu cũng thấy người ta nói,
Mười chín năm nay lại cát bồi.

Vịnh lụt

Tị trước ⁽¹⁾ Tị này ⁽²⁾ chục lẻ ba,
 Thuận dòng nước cũ lại bao la.
 Bóng thuyền thấp thoáng giong trên vách,
 Tiếng sóng long bong vỗ trước nhà.
 Bắc bậc người còn chờ chúa đến, ⁽³⁾
 Đóng bè ta phải rước vua ra. ⁽⁴⁾
 Sửa sang việc nước cho yên ổn,
 Trời đã sinh ta ắt có ta.

1. Năm Quý Tị (1893) vỡ đê Nhị Hà.

2. Năm Ất Tị (1905), mười ba năm sau, lại có một trận lụt nữa.

3. Ý nói : chủ nhà phải treo lên cao để tránh nước lụt.

4. Ý nói : người ta phải đem đầu rau (ông núc) đặt lên bè nổi để thổi nấu. Đầu rau có nơi gọi là vua bếp.

Bạn đến chơi nhà

Đã bấy lâu nay bác tới nhà.
 Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
 Ao sâu nước cả, khôn chài cá,
 Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.
 Cải chửa ra cây, cà mới nụ,
 Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
 Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
 Bác đến chơi đây ta với ta.

Lục hỏi thăm bạn

Ai lên nhắn hỏi bác Châu Cầu,
 Lục lội năm nay bác ở đâu ?
 Mấy ổ lợn con rày lớn bé ?
 Vài gian nếp cái ngập nông sâu ?
 Phận thua suy tính càng thêm thiệt,
 Tuổi cả chơi bời họa sống lâu.
 Em cũng chẳng no mà chẳng đói,
 Thung thăng chiếc lá rợp lưng bầu.

Tặng bà Hậu Cẩm⁽¹⁾

*Nghĩ xem đẹp nhất ở làng Và,
Tiếng gọi rằng già cũng chưa già
Làn sóng liếc ngang đôi mắt phượng
Tóc mây rủ xuống một đuôi gà.
Nói năng duyên dáng coi như thế...
Đi đứng khoan thai thế cũng là...
Nghe nói muốn thôi, thôi chưa được,
Được làm dơ dở đã thôi a ?*

**(Theo tài liệu của cụ Nguyễn Khắc Thanh và
ông Bùi Văn Cường)**

1. Tên thực là Lã Thị Thoan, trước lấy ông Nhiều Sinh, ông Sinh chết, bà Thoan còn trẻ lại có nhan sắc, đi lấy một tên Tây cầm ở Nam Định. Bà ta có làm chân thu thuế trong làng một thời gian rồi xin thôi.

Lấy Tây

*Con gái đời này, gái mới ngoan,
Quyết lòng ầu chiến với Tây quan.
Ba vương phát phối cờ bay dọc
Một bức tung hoành vẩy xấn ngang.
Trời đất khéo thương chàng bạch quỉ⁽¹⁾
Giang san riêng sướng ả hồng nhan
Nghĩ càng thêm ngán trai thời loạn,
Con gái đời nay, gái mới ngoan !⁽²⁾*

(1) Bạch quỉ : chỉ tên người Pháp.

(2) Tác giả tỏ thái độ chua chát trước cảnh "lấy Tây" của gái Việt thời đó.

Khóc Dương Khuê

Bác Dương thôi đã thôi rồi,
 Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.
 Nhớ từ thuở đặng khoa ⁽¹⁾ ngày trước,
 Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau ;
 Kính yêu từ trước đến sau,
 Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời ?
 Cũng có lúc chơi nơi dặm khách,
 Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo ;
 Có khi tăng gác cheo leo,
 Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang ;

Cũng có lúc rượu ngon cùng nhấp,
Chén quỳnh tương ấm ấp bầu xuân,
Có khi bàn soạn câu văn,
Biết bao đông bích, điển phần (2) trước sau,

Buổi dương cửu (3) cùng nhau hoạn nạn,
Phận đẩu thăng (4) chẳng dám tham trời ;
Bác già, tôi cũng già rồi,
Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là !
Muốn đi lại tuổi già thêm nhác,
Trước ba năm gặp bác một lần ;
Cầm tay hỏi hết xa gần,
Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can,
Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,
Tôi lại đau trước bác mấy ngày ;
Làm sao bác vội về ngay,
Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời.

Ai chẳng biết chán đời là phải,
 Vội vàng sao đã mãi lên tiên ;
 Rượu ngon không có bạn hiền,
 Không mua không phải không tiền không mua.
 Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,
 Viết đưa ai, ai biết mà đưa ;
 Giường kia treo ⁽⁵⁾ cũng hững hờ,
 Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn ⁽⁶⁾.
 Bác chẳng ở đâu van chẳng ở,
 Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương ;
 Tuổi già hạt lệ như sương,
 Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan !

(Tác giả tự dịch bài «Văn đồng niên Vân Đình
 tiến sĩ Dương thượng thư»).

1. Đăng khoa : đi thi đỗ.

2. Đông bích điển phần : đọc sách, tra cứu.

3. Buổi dương cửu : ý nói thời gian nan.

4. Đẩu thăng : cái đấu, cái thăng, đơn vị đo lường ngày xưa. Câu này ý nói : trước cảnh đời đổi thay phải từ quan về, nhà thơ không dám tham công danh bổng lộc nữa.

5. Giường treo : Trần Phồn đời Hậu Hán, dành riêng cho bạn thân một cái giường khi bạn đến thì mời ngồi, lúc bạn về thì treo lên.

6. Câu này nhắc lại tích Bá Nha và Chung Tử Kỳ, hai bạn tri âm. Khi Chung Tử Kỳ mất thì Bá Nha đập nát cây đàn không gảy nữa.

Khai bút

Ảnh ịch đêm qua trống các làng,
 Ai ai mà chẳng rước xuân sang.
 Rượu ngon nhấp giọng đưa vài chén,
 Bút mới xô tay thử một hàng.
 Ngoài lũy nhấp nhô cò cộ tổng, ⁽¹⁾
 Cách ao let đẹt pháo thầy Nhang. ⁽²⁾
 Một năm một tuổi, trời cho tốt,
 Tuổi tốt trời cho, tốt lại càng... ⁽³⁾

1. Cộ tổng : tức cộ Tổng Hào ở gần nhà Nguyễn Khuyến, nhà giàu có, xung quanh nhà có lũy tre bao bọc xanh tốt um tùm, chim cò về đậu ở đây rất nhiều.

2. Thầy Nhang : ở cách nhà Nguyễn Khuyến một cái ao.

3. Câu này rút ý câu tục ngữ : Càng già, càng dẻo, càng dai.

Kiều bán mình

Thằng bán tơ kia giờ giới ra,
 Làm cho bận đến cụ Viên già.
 Muốn êm phải biện ba trăm lạng,
 Khéo xếp nên liều một chiếc thoa.
 Nổi tiếng mượn màu son phấn mự, ⁽¹⁾
 Dem thân chuộc lấy tội tình cha.
 Có tiền việc ấy mà xong nhỉ ?
 Đời trước làm quan cũng thế a ?

1. Mự : Tú Bà.

Tổng vịnh Kiều⁽¹⁾

*Kiều nhi giấc mộng khéo như cười,
 Tỉnh dậy xuân xanh quá nửa rồi,
 Số kiếp bởi đâu mà lận đận ?
 Sắc tài cho lắm cũng lôi thôi !
 Cảnh hoa vườn thúy⁽²⁾ duyên còn bén,
 Giọt nước sông Tiền⁽³⁾ nợ chưa xuôi.
 Chẳng trách chàng Kim đeo đẳng mãi,
 Khăng khăng vót lấy một phần đuôi.⁽⁴⁾*

1. Bài này nhà thơ vịnh chung hai mươi hồi trong Truyện Kiều.

2. Vườn Thúy : nơi Kiều gặp gỡ Kim Trọng.

3. Sông Tiền : tức sông Tiền Đường, nơi Kiều trầm mình.

4. Chỉ cuộc tái hợp của Kiều và Kim Trọng.

Tạ lại người cho hoa trà

Tết đến người cho một chậu trà,
 Dương say ta chẳng biết rằng hoa.
 Da môi, tóc bạc ta già nhỉ,
 Áo tía đai vàng bác đó a ?
 Mưa nhỏ những kinh phường xỏ lá. ⁽¹⁾
 Gió to luống sợ lúc rơi già. ⁽²⁾
 Xem hoa, ta chỉ xem bằng mũi,
 Đếch thấy hơi hương một tiếng khà.

[Tác giả tự dịch bài «Sơn trà»]

1. Những hạt mưa nhỏ dần dần xuyên thủng cả lá cây.

2. Gió bắc thổi, làm cho đài hoa rụng.

Vịnh sự

Đầu trọc lóc bình vôi,
Nhảy tót lên chùa ngồi.
I a kinh một bộ,
Lóc cóc mỗ ba hồi.
Cơm chẳng cần cá thịt,
Ăn rất oản chuối xôi.
Không biết câu tình dục,
Đành chịu tiếng bồ côi.

Chưa rượu

*Những lúc say sưa cũng muốn chừa,
Muốn chừa nhưng tính lại hay ưa.
Hay ưa nên nổi không chừa được.
Chừa được nhưng mà cũng chẳng chừa.*

Bóng đèn cô đầu

Bóng người ta nghĩ bóng ta,
 Bóng ta, ta nghĩ hóa ra bóng người.
 Tĩnh tĩnh rồi mới nức cười.
 Giấc hồ (1) ai khéo vẽ vời cho nên ?
 Cô đào Sen là người Thi Liễu
 Có làm sao ông ẹo với làng nho ?
 Bóng đầu mà bóng đèn cô,
 Bỗng thấy sự nhỏ to thêm thắc mắc.
 Có hữu diệc vì thân ngoại vật,
 Khán lai đô thị mộng trung nhân (2)
 Sự tỉnh ra nào biết chuyện xa gần,
 Còn vắng vắng tiếng đàn lẫn tiếng trống.

*Quân bất kiến Thiên thai động khẩu cần tương
tổng ; (3)*

*Dấu bóng ta, ta bóng có làm sao,
Thực người hay giấc chiêm bao ?*

1. Giấc hồ : giấc mộng.

2. Hai câu này đại ý nói : ở đời, phàm những cái gì ta có đều là vật ngoài thân cả, và ngấm lại, người đời đều ở trong giấc mộng cả.

3. Câu này dẫn điển Lưu Thấn và Nguyễn Triệu vào núi Thiên Thai hái thuốc gặp và lấy tiên. Ở với nhau được sáu tháng, hai chàng nhớ nhà đòi về, hai nàng tiên ân cần tiễn ra cửa động.

Than già

Tháng ngày thấm thoát tựa chim bay,
 Ông gẫm mình ông, nghĩ cũng hay.
 Mái tóc chòm xanh, chòm lốm đốm,
 Hàm răng chiếc rụng, chiếc lung lay.
 Nhập nhèm bốn mắt tranh mờ tỏ
 Khấp khểnh ba chân đỡ tỉnh say ⁽¹⁾
 Còn một nỗi này thêm chán ngắt,
 Đi đâu giở những cối cùng chày ⁽²⁾

1. Hai câu này ý nói : nhà thơ tuổi đã già, mắt không còn tỏ phải mang kính, chân đi không vững phải chống gậy.

2. Cối chày : để giã trấu chò người già.

Cảm hứng

Ngày trước cũng lên lay cửa trời, ⁽¹⁾
Lâu nay vắng vẻ bất tăm hơi.
Nước non man mác về đâu tá ?
Bè bạn lơ thơ sót mấy người.
Đời loạn đi về như hạc độc, ⁽²⁾
Tuổi già hình bóng tựa mây trôi ⁽³⁾
Đã hay nhờ được hao mòn lắm,
Một thỉ ⁽⁴⁾ lòng son chưa rõ mười.

(Tác giả tự dịch bài «Kí hữu»)

-
1. Ý nói : nhà thơ lúc làm quan cũng đã cùng với bạn vào chầu vua ở triều đình.
 2. Hạc độc : con hạc một mình, không có bạn.
 3. Mây trôi : đám mây lẻ loi.
 4. Một thỉ : một chút.

Cáo quan về ở nhà

Ngân ấy năm nay vẫn ở nhà,
Nghĩ ta, ta lại chỉ thương ta.
Bóng hiên thêm ngán hơi nồng nỉ,
Ngọn gió không nhường tóc bạc a !
Thửa mạ rạch ròi chân ⁽¹⁾ xấu tốt,
Đầu lương đo đắn tuổi non già. ⁽²⁾
Khi buồn chén rượu say không biết,
Ngửa mặt lơ mờ ngọn núi xa.

(Tác giả tự dịch bài "Mạn hứng")

-
1. Chân : tức chân ruộng.
 2. Đo đắn : cân nhắc.

Phú Đắc⁽¹⁾

Bà già đã bảy mươi tư,
Ngồi trong cửa sổ gửi thư lấy chồng.

*Đã trót sinh ra kiếp má đào,
Bảy mươi tư tuổi có là bao ?
Xuân xanh xấp xỉ hàng răng rụng,
Ngày vắng ân cần mảnh giấy trao.
Chữ nhất nhi chung⁽²⁾ đành đã vậy,
Câu tam bất hiếu⁽³⁾ nữa làm sao ?
May mà chim được ông chồng trẻ,
Họa có sinh ra được chút nào ?*

1. Phú đắc là lối trình bày sự việc cụ thể.

2. Nhất nhi chung : nói người phụ nữ chỉ lấy một người chồng cho đến khi chết.

3. Tam bất hiếu : do câu "bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại" (Mạnh Tử) nghĩa là bất hiếu có ba điều, không có con là điều lớn nhất.

Đại lão⁽¹⁾

*Năm nay tớ đã bảy mươi tư,
 Răng lão, răng quan tớ cũng ừ.
 Lúc hứng, uống thêm dăm chén rượu,
 Khi buồn ngâm lão một câu thơ.
 Bạn già lớp trước nay còn mấy ?
 Chuyện cũ mười phần chín chẳng như.⁽²⁾
 Cũng muốn sống thêm dăm tuổi nữa,
 Thử xem trời mãi thế này ư ?*

1. Đại lão : ý nói già lắm.

2. Chín chẳng như : đời mười phần không vừa ý mình đến tám, chín phần.

Di chúc⁽¹⁾

Kém hai tuổi xuân đầy chín chục.
 Số thầy sinh phải lúc dương cùng. ⁽²⁾
 Đức thầy đã mỏng mỏng mong,
 Tuổi thầy lại sống hơn ông cụ thầy.
 Học chẳng có ràng hay chi cả.
 Cười đầu người kẻ đã ba phen ; ⁽³⁾
 Tuổi là tuổi của gia tiên,
 Cho nên thầy được hưởng niên lâu ngày.

Ấy thuở trước ông mày chẳng đỗ, ⁽⁴⁾
 Hóa bây giờ cho bố làm nên ;
 Ôn vua chữa chút báo đền,
 Cúi trông hỏ đất, ngửa lên then trời.
 Sống không để tiếng đời ta thán,
 Chết được về quê quán hương thôn ;

Mới hay trăm sự vuông tròn,
 Sống lâu đã trải, chết chôn chờ gì ?
 Đồ khâm liệm chớ nề xấu tốt,
 Kín chân tay đầu gót thời thôi ;
 Cổ đòn to lắm con ơi,
 Hễ ai chạy lại, con mời người ăn.
 Té đòn có viết văn mà đọc,
 Trướng đối đòn gấm vóc làm chi ;
 Minh tinh ⁽⁵⁾ con cũng bỏ đi,
 Mời quan đề chủ ⁽⁶⁾ con thì không nên.

Môn sinh ⁽⁷⁾ chớ bỏ tiền đặt giấy,
 Bạn của thầy cũng vậy mà thôi ;
 Khách quen chớ viết thiệp mời.
 Ai đưa lễ phúng con thời chớ thu.
 Chẳng qua nợ để cho người sống,
 Chết đi rồi còn ngóng vào đâu !

Lại mang cái tiếng to đầu,
 Khi nay bày biện, khi sau chề bàn.
 Cờ biên của vua ban ngày trước,
 Khi đưa thầy con rước đầu tiên ;
 Lại thuê một lũ phường kèn,
 Vừa đi vừa thổi mỗi bên dăm thằng.
 Việc tống táng nhưng nhăng qua quýt,
 Cúng cho thầy một ít rượu hoa ;
 Đề vào mấy chữ trong bia,
 Rằng : “Quan nhà Nguyễn cáo về đã lâu”

1. Theo ý kiến một số cụ già ở địa phương nhà thơ, thì bài này là do cụ Trần Tấn Bình dịch trong buổi lễ đưa ma cụ Nguyễn Khuyến.

2. Dương cùng : ý nói nhà thơ đã đến ngày tận số.

3. Ý nói : nhà thơ qua ba kì thi đều đỗ đầu bảng (tam nguyên).

4. Ông cụ thân sinh nhà thơ thuở trước cũng là chân học khoa cử, nhưng không đỗ đạt cao.

5. Minh tinh : một mảnh lụa, mảnh vải hoặc mảnh giấy đề tên hiệu, tên thụy, tuổi và chức tước, địa vị người chết trong khi đưa đám ma.

6. Đề chủ : viết tên và hiệu người chết vào. Việc viết này thường được coi là tôn trọng, nên phải mời người có chức tước làm.

7. Môn sinh : học trò cùng học một thầy.

II. THƠ DỊCH TỪ THƠ CHỮ HÁN

Đêm thu đứng trên núi trông

*Mắt thu tám mặt xóm làng quanh,
Chót vót non cao đứng một mình.
Gió nhẹ bóng trăng vờn khói bạc,
Mù quang chuôi đầu gác mây xanh.
Một trời cảnh vật vàng tơ vẽ,
Bốn mặt giang sơn ngọc chuốt hình.
Hòa với tiếng thu, sương thánh thót,
Âu Dương ⁽¹⁾ phú ấy gọi bao tình.*

HOÀNG TẠO dịch

1. Âu Dương Tu đời Tống, có bài phú “Tiếng thu”

Mối cảm đêm thu

*Bốn mặt non sông vắng lặng tờ,
Phòng vẫn tựa ghé ngắm gương nga.
Lá thu một chiếc bay trong gió,
Khêu gọi bao nhiêu nỗi nhớ nhà.*

Núi Tam Điệp⁽¹⁾

Thanh Hoa sông núi đế vương xưa,
 Gươm sách đường quen lại vẫn ta.
 Phóng mắt đầu non Tam Điệp rõ,
 Ngoảnh đầu dòng nước Cửu Long xa.
 Xanh pha sườn núi màu cây lãn,
 Trắng lộn chân mây mặt bể mờ.
 Những muốn ăn thề cùng suối đá,
 Biết đâu suối đá có tin mà ?

HOÀNG TẠO dịch

1. Núi Tam Điệp : dãy núi ở giữa hai tỉnh Ninh Bình và Thanh Hóa

Núi Dục Thúy⁽¹⁾

*Non xanh muôn thuở xanh cao,
Mà tên Dục Thúy năm nào đặt ra ?
Thành côi ngàn bậc trên xa,
Ngôi chùa ven núi nhô ra nửa dòng.
Tìm đâu Tuệ Viễn sư ông,
Bia am Thăng Phủ rêu phong vẫn còn.
Chim chiều đôi tiếng véo von,
Tĩnh xưa gửi với nước non bóng tà !*

HOÀNG TẠO dịch

1. Dục Thúy : núi ở gần Ninh Bình, trên bờ sông Đáy.

Đền trên núi Dạ⁽¹⁾

Chiến tranh tàn cuộc tự năm nào ?
Lầu gác còn trơ lưng núi cao.
Thành Ôc thịnh, suy cơ định trước,
Móng Rùa còn mất chuyện không đâu.
Mai đưa khách lạ, đàn công đạn,
Tùng gọi mưa hôm, cái quạ râu.
Vương bá ngàn thu đâu sự nghiệp ?
Khói cây non Dạ một rừng sâu

HOÀNG TẠO dịch

Thạch Hãn Giang⁽¹⁾

*Khua ngang dòng Hãn một con chèo,
Lấp loáng non xa nhuộm nắng chiều.
Trách trận gió tây tung cát bụi,
Chẳng còn như trước nước trong veo,*

HOÀNG TẠO dịch

(1) Sông Thạch Hãn thuộc Quảng Trị.

Chiều tối đi thuyền trên sông Thái

*Cây chen mây biếc phủ trên lầu,
Bồn mặt quanh co mấy nhịp cầu,
Trời tối chuông vừa thưa thốt điểm,
Gió quay, chèo vẫn rộn ràng mau.
Bờ buông bóng trúc màu xanh biếc,
Chè uống bên sen chén ngát ngào.
Ví được đóc bầu nghe điệu nhạc,
Thân này chi khác khách Bồng Châu.*

Lên núi Ngũ Hành lưu đề⁽¹⁾

*Ngũ Hành rực rỡ, ngất tầng cao,
Mặt biển non tiên chẳng khác nào.
Thỏ mọc ác tà vòng trước động,
Côn dăng sóng vô rợn lưng đèo.
Trời quang, vách đá đậm hơi nước,
Đêm vắng, hồi chuông rớt ngọn triều.
Ngắm cảnh non sông kì tuyệt ấy,
Nợ đời bỗng chốc chẳng còn đeo.*

NGUYỄN VĂN KHOA dịch

(1) Núi Ngũ Hành : tỉnh Quảng Nam, sản xuất đá cẩm thạch rất quý. Đá đủ năm sắc nên gọi là Ngũ Hành.

***Đêm xuân
thương con thiêu thân***

Giống lông cánh phận mình nho nhỏ,
Chết là yên, chết chỗ quang minh ;
Phải chăng thảng thốt đã đành,
Mà trong dùng dằng xem tình dễ đâu.
Chữ tri năng trước sau giữ vẹn,
Thời buổi này chẳng bèn lợi danh ;
Đèn chong chừng cũng thương mình,
Thân tàn ra bụi lệ tình chưa khô.

Cảm tác

Mười mấy năm qua, ẩn với thao,
 Thân này mong được đức vua yêu.
 Việc nhiều hay ồm, đành hưu vậy,
 Ngày một lần ăn, chữa nổi nào.
 Giúp nước, bạn bè còn lại đó,
 Về nhà, con cháu chắc hiền đâu ?
 Từ đây ngắt ngưỡng ngời nâng chén,
 Lại sợ làm như sử sách sao ?

Thơ say

Trổ tài muốn học Ông say,
 Thì ba trăm chén dốc ngay cạn bầu.
 Dãi phụ mây nổi, mưa rào,
 Có khi trùng mắt gió gào, sấm vang.
 Bất kình, Lí Bạch cũng thường,
 Hái hoa Bành Trạch ⁽¹⁾, lòng chùng cũng ưa.
 Thế gian say đã được chưa ?
 Không say, đời cũng bằng thừa kẻ chi !

NGUYỄN VĂN TÚ dịch

(1) Tức Đào Tiềm, người thích hoa cúc.

Sau khi say

Năm chục xuân thu, nửa mẫu ao,
 Trước song nằm khểnh thanh thoi sao
 Bùn sâu, mặt nước sen che kín,
 Gió cuốn, ven đường cỏ lướt theo.
 Câu vật chi cần người khác thưởng,
 Cảnh nhàn chỉ có rượu thêm hào.
 Xuân tàn, mắt lóa trông nào rõ,
 Chỉ thấy lơ mơ ánh nắng chiều.

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

Giải buồn

Sáng nay sấm động tự non xa,
 Như tổ cầm hờn với chúng ta.
 Chớp lóe trời như đang nháy mắt,
 Gió im trúc lại lặng như tờ.
 Quanh nôi chú chuột chề nồng nhạt,
 Ngoài nôi chàng cuc gắt nắng mưa. ⁽¹⁾
 Cách giậu mời ông hàng xóm chén.
 Chuyện tràn thóc lúa với tầm tơ !

NGUYỄN VĂN TÚ dịch

(1) Chim cuc, chàng chim cú trời mưa lại đuổi vợ đi, nắng mới gọi vợ về.

Nói chuyện với sư

Nhớ xưa tôi bác gần nhà,
Tôi còn đi học, bác chưa đi chùa.
Từ ngày gần phật, gần vua,
Hai bên tin tức mịt mờ cả hai.
Nón xe nào biết có rày ?
Phong trần thoát đã hai mươi năm trường.
Nay về gặp mặt tỏ tường,
Hai ta duyên nợ còn vương với đời !

Gửi ông Bùi Ân Niên ở Châu Cầu⁽¹⁾

Khắp nơi nô nức “canh tân”,
Nghĩ người cố cựu vắng dần mà đau.
Người cùng, còn số trời sao ?
Đạo xưa đã mất, biết đâu lối về ?
Trào lưu mới rộn bốn bề,
Nghìn non rau quyết, rau vi để già.
Sông Châu ta lại nhớ ta,
Chỗ ngồi câu đó đã hoa rụng đầy.

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

(1) Ban thân Nguyễn Khuyến

Ngày xuân dạy các con

Năm mới vừa sang, năm cũ qua,
Tuy nghèo ta vẫn mến nhà ta.
Chín sào tư thổ là nơi ở,
Một bó tàn thư ấy nghiệp nhà.
Trước cửa khói dày, non khuất bóng,
Bên tường mưa ít, cúc thưa hoa.
Các con nối chí cha nên biết :
Nghiên bút đừng quên lúa, đậu, cà.

Muỗi

*Ta say vừa đi ngủ,
Muỗi quấy không cho nằm.
Gió quạt xua lại đến,
Bên tai cứ réo âm.
Thịt ta sao mày thích ?
Da ta sao mày ham ?
Gối ta sao mày ghét ?
Chăn ta sao mày căm ?
Ta, mày có điều chi ?
Làm khổ nhau cho cam !*

NGUYỄN VĂN TÚ dịch

Ngày trùng dương không mưa

*Tháng chín không mưa những xuýt xa,
Gió tây hiu hắt biết sao mà !
Cúc vàng ⁽¹⁾ có khách đem cho rượu,
Quyên đỏ ⁽²⁾ không người giục nở hoa.
Bóng núi nửa chừng vươn tới cửa,
Chim hồng muôn dặm biết đâu nhà ?
Mắt đau ngán nỗi thêm nhiều bụi,
Cửa đóng như bưng vãn rượu thơ.*

NGUYỄN VĂN TÚ dịch

(1) Rượu hoàng cúc : đây nói rượu uống trong ngày trùng dương.

(2) Hoa đỏ quyên.

Vịnh cúc

I

Xuân qua tới tấp mạn cùng đào,
Lá mốc cành rêu lẫn chốn nào ?
Giữ tiết đường như yên phận khó,
Dành hương cốt để đợi thu cao.
Thương thâm vườn cỏ nên như vậy,
Đứng giữa hơi may mới biết nhau !
Trong sạch tấm lòng đâu dễ kiếm,
Đào Tiềm chỉ gặp lúc về hưu !

II

Trăm hoa đua nở vắng người hoài,
Trăm hoa tàn rồi mới thấy người.
Tháng rét một mình thừa bóng bạn,
Nhị thơm chẳng rửa, chạnh lòng ai,
Nhấp nhô lưng giậu xanh chồi trúc,
Óng ả đầu hiên mượt ngọn mai
Cát chén mỉm cười vừa ý lão,
Bồ công vun xới đã lâu ngày.

Tiết tiểu hòa

Gió, mưa, ẩm, lạnh biết đâu trời ?
 Cùng lẽ sinh, tiêu, đầy lại vơi.
 Xương buốt, tai ù, mình tưởng mượn,
 Nón che, tôi phủ, khách thừa lời.
 Mai cười trước mái dương vừa độ,
 Én ngó qua rèm định kiếm nơi.
 Người trước với ta so chẳng khác,
 Ngâm tràn chén khước, kém chi ai.

NGUYỄN VĂN TÚ dịch

Vịnh cây mai

Chẳng hay gốc tích nơi nào ?
 Ngẫu nhiên năm trước, trồng vào vườn ta.
 Lá chưa mọc, đã đầy hoa,
 Hoa tàn lá mới rườm rà đua tươi.
 Xanh tươi hơn mọi cây rồi,
 Mà hương thanh lại khác vời trăm hoa.
 Ông say hôm sớm mặn mà,
 Người đời hờ hững, thực là đáng thương.

Bán hàng đối trưóng

Xáo xôi lới vắn sẵn,
Tết đến bày hàng bán.
Từ một đến mười đồng,
Nhiều ít đã có hạn.
Có khách đến hỏi mua,
Đem một trăm cau dán ⁽¹⁾.
Vắn ta tuy chẳng hay,
Cũng đáng ba tiền chẵn.
Sao trả rẻ thế ư ?
Rẻ quá ta không thuận.
Khách hãy mang cau về,
Ể hàng ta chẳng quản.
Khách đi mình ngồi than :
“Chữ nghĩa cũng vắn hạn !”.

KHƯƠNG HỮU DỤNG dịch

(1) Cau dán : cau khô long hạt, lấy hổ dán vào gọi là “cau dán”.

Vườn rau

Một năm rồi lại một năm qua,
 Nghèo ốm dường quên cả tuổi hoa.
 Tiếp nhấm, con thường dâng đậu phụng,
 Mừng xuân, khách lại tặng Long trà. ⁽¹⁾
 Ngàn non mờ tỏ không còn vẻ,
 Chiếc hạc bơ vơ chưa thấy nhà.
 Chỉ có mảnh vườn hành cải tốt,
 Chẳng cần vun tưới vẫn rườm rà.

LÊ TƯ THỰC, ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

1. Chè Long : Long tỉnh : thứ chè ngon của Trung Quốc.

Vườn nhỏ

Gió đâu lọt chốn thư phòng,
 Bên song hây hẩy, giấc nồng vừa tan.
 Ông tay thoang thoảng mùi lan,
 Chén trà lóng lánh ánh lên mái hồi.
 Cốc vò con kiến tha mồi,
 Chim rình bọ ngựa đang ngồi bắt ve.
 Mảnh vườn cũng lắm thú ghê,
 Ghế bên ngồi nghĩ tử tế một mình.

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

An ủi ông lão đá

Một quyển sách đặt trên yên,
 Một ngọn bút cắm ở trên ống này.
 Không dây, đàn có một cây,
 Không phương, thuốc uống có đây một phong,
 Một bình trà nóng thường dùng,
 Một lò sưởi đốt để phòng một bên
 Chậu đá một củ thủy tiên,
 Một quả Phật thủ đặt trên bát sành.
 Lấy ai làm bạn cho đành ?
 Có ông lão đá với mình cùng vui.

Người lặng tiếng, kẻ nhiều lời,
 Tính tình cũng chẳng đi đôi mới kì !
 Lão thì chẳng thích chi chi,
 Ta thì trái ngược, cái gì cũng hay.
 Ta lười, chỉ thích nằm dài,
 Mà lão thì cứ suốt ngày ngồi trơ.
 Lão thì lẳng lặng như tờ,
 Mà ta thì thích ngâm thơ viết bài.
 Riêng tình thân chẳng đơn sai,
 Bạn thân giao hãn duyên trời chi đây.
 Đi về cõi hóa có ngày,
 Biết đâu lão đấy, ta đây một người !

VŨ MỘNG HÙNG,
 NGUYỄN VĂN TÚ dịch

Đêm ba mươi tết

Hết đêm nay là hết năm,
 Đã thành ông lão năm nhăm tuổi đầu.
 Mấy chòm tóc đã bạc phau.
 Lại thêm đôi mắt đỏ ngầu bấy nay.
 Tìm xuân, mai sẽ thấy ngay,
 Lo nghèo chỉ có đêm này tạm nguôi.
 Trước đèn nâng chén rộn ngôi,
 Một câu thơ vịnh kéo đôi năm liền.

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

Tự thuật

I

*Mình năm mươi tuổi từ quan,
 Năm lần qua tết, năm lần thay vua.
 Tạnh thì chống gậy thăm hoa,
 Ôm nằm nghe lũ con thơ đọc bài.
 Bói xem một lượt mà thôi,
 Việc thường chẳng kể chín mười xuê xoa.
 Thơ lại chén, chén lại thơ,
 Thanh thời ta vẫn ưa nhà ta hơn.*

NGUYỄN VĂN TÚ dịch

II

Đã bốn, năm năm trở lại nhà,
 Làm gì được nữa, tóc phơ phơ.
 Cảnh nghèo mặt vô thân thêm vô,
 Người bệnh hình trơ, bóng cũng trơ.
 Vò cạn hoa vàng như muốn giũ,
 Thư không âu trắng hắt sinh ngờ⁽¹⁾
 Kiếp sau ai sẽ là ta nhỉ ?
 Ai sẽ phong lưu sánh kịp ta ?

KHUÔNG HỮU DỤNG,
 NGUYỄN VĂN TÚ dịch

1. Ý nói mình không thư từ với ai, nên họ sinh nghi chăng ?

Ngày xuân

I

Là là mặt đất lớp sương sa,
 Ánh sáng ban mai vẫn mập mờ.
 Hạt quýt ngoài vườn chờ nứt vỏ,
 Giò tiên trong chậu chứa búp hoa.
 Đầm đĩa lẹ sớm cảnh tre rủ,
 Lạc lõng canh khuya tiếng hạc qua.
 Âm chổ chẳng buồn tung áo dậy,
 Cửa ngoài vẫn mở, khách chùng thưa.

NGUYỄN VĂN TÚ dịch

II

Rặng tre chênh chếch mưa bay,
 Ngày xuân trên chiếc giường mây kê cà.
 Ngang trời một tiếng chim qua,
 Nhà bên con trẻ nghề nga học bài.
 Lúc cùng thơ dễ nảy tài,
 Khi say việc khó mười mười chẳng sờn.
 Chớ vì ít bàn phàn nản,
 Ông Đào chỉ có cây đàn làm thân.

DƯƠNG XUÂN ĐÀM dịch

III

Mong xuân xuân đến không hay,
 Hạt mưa lất phất tầng mây im lìm.
 Cây xanh nảy lộc bên thềm,
 Trên trời dưới nước cá chim vây vùng.
 Hạc còn khi lánh bụi hồng,
 Bể khơi âu lượn mênh mông chốn nào ?
 Trước song say lại nằm khoèo,
 Những toan xỏ dép mà trèo non xanh.

DƯƠNG XUÂN ĐÀM dịch

Thủy tiên

Biết rằng gốc tích tự đâu ra ?
 Cốt cách thiên nhiên, vẻ ngọc ngà.
 Trước án đặt vào trong bể đá,
 Sáng mai bỗng nở mấy chồi hoa.
 Chuyên tay còn kén chi phường lái,
 Ngán nỗi riêng vui với lão già.
 Thơm thoĩ nghìn năm sau vẫn thấy,
 Mặn, đào bên xóm chớ chua ngoa.

NGUYỄN VĂN TÚ dịch

Gương

*Trên đời mất thật khó mà tường,
Trăm vạn thân soi một giá vàng. (1)
Uóm hỏi trong trần ai giống tớ ?
Trông chừng chỉ có bóng trong gương.*

ĐẶNG ĐỨC TÔ dịch

(1) Gương xưa bằng đồng vàng.

Về già

Năm mươi nhăm tuổi cái thân già,
Vẻ xấu dần dần lộ hết ra.
Răng vẹo buốt hàm như cũi cọ,
Mắt lòa gấp sách giảng ê a.
Ba phần tóc bạc càng thêm tuổi,
Một tấm lòng son vẫn có thừa.
Đừng trách bên song say khướt mãi.
Không say, thì tỉnh với ai mà ?

KHUONG HỮU DUNG dịch

Trống ếch

Nghe nói nơi nơi cấm trống kèn,
 Ao ta trống ếch suốt đêm rên,
 Quát im, chốc lại hoàn như cũ,
 Lệnh cấm bay sao chẳng sợ trên ?
 Hay thấy nơi này hiu quạnh quá,
 Mà khua nhạc nọ rộn ràng lên ?
 Dù ai cứng cổ đi qua đó,
 Thấy ếch đương hăng cũng phải kiêng.

DƯƠNG XUÂN ĐÀM dịch

Ngày hè

Nắng hoe gió nhẹ buổi hè vào,
Mình lão thơ ngông chén lại hào.
Vải chín, bà hàng bung quả biếu,
Cá tươi, lão giặm nhấc nôm chào.
Nghe chim giữa lúc vừa say dậy,
Giở sách ôn câu chữa nhãng nào.
Tranh, nửa đủ vui khi tuổi tác,
Đường đời tất tả nữa ra sao ?

Mua cá

Ngoài cửa chùng hơn một mẫu ao,
 Cá không phải thả vãn dôi dào,
 Người giàu làm chủ lời hàng vạn,
 Nhà khó mua về kiếm được bao ?
 Gạo đất đã khôn xoay đủ bữa,
 Nước sâu thêm lại gặp mưa rào.
 Giàu nghèo ai biết không do số,
 Đừng oán hờn chi, gắng sức vào.

Xem gặt

Ngày hạ chang chang nắng kéo dài,
 Nhà nho mùa đến việc bời bời.
 Đã e có thóc, nhà thêm nóng,
 Lại sợ không lương, bụng đói hoài.
 Tiếc củi, rơm thường vơ tận gốc,
 Dọn kho, tường thấp chỉ ngang vai.
 Việc đời nếu cứ mong mà được,
 Thì thóc đầy nhà, gió khắp nơi.

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

Năm mất mùa

II

*Ra đời gặp buổi truân chuyên,
Loạn li, cùng quần lại thêm mất mùa.
Đế như mách khô canh khuya,
Nhận đêm xào xạc muốn lìa nơi đây.*

*May còn trên hạng ăn mày, ⁽¹⁾
Góc rau nhai mãi, da này chữa nhăn.
Ngồi lo, cầm bút tần ngần,
Nhớ câu “khất thực” ⁽²⁾ cô nhân đã làm.*

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

(1) Ăn mày : nhà Nguyễn ghét đạo nho, khi thôn tính được Giang Nam rồi, chia người ở đấy làm 10 hạng. Nhà nho bị liệt vào hạng thứ 9, chỉ trên hạng thứ 10 là ăn mày.

(2) Đào Tiềm đời Tấn khi đã từ quan về, nhà nghèo túng, có lần phải làm thơ đưa cho bạn để xin ăn.

IV

Mùa qua đại hạn còn đâu ?
Chiêm này gió lạnh khác nào thu xưa !
Cháo thừa trốc mả ăn chưa ?
Rượu thừa đầy hũ say sưa được nào ?
Vận nhà vận nước ngang nhau,
“Ông lớn”, “ông lợn” chung vào một tên.
Đói no chớ vội than phiền,
Gieo neo mới thấy vện tuyền cái “ta” !

NGUYỄN VĂN TÚ dịch

Chuột đói

Bọn mi nương xó tường ta,
 Bấy lâu êm ả trong nhà không sao.
 Phải khi gạo kém thóc cao,
 Bọn mi lục đục cắn nhau bao lần.
 Bọn mi nào phải bắt nhân,
 Vì ta của đê, của ăn không gì.
 Phải đâu riêng một bọn mi,
 Vợ con ta cũng nhiều khi eo xèo.
 Có ăn kẻ mến người yêu,
 Hết ăn tiếng ý tiếng eo rậm nhời
 Xóm Tây qua đã gặt rồi,
 Bọn mi sớm liệu mà rời sang ngay,
 Để khi có chút nay mai,
 May ra ta được đêm dài nằm yên.

Thấy kẻ nha lại⁽¹⁾ đến

*Cáo quan về nghỉ sáu năm thừa,
 Ôm yếu còn lo có mệnh vua.
 Gõ cửa bỗng dưng nghe lại đến,
 Lăn đường sợ chẳng có xe đưa.
 Trăm năm ngoảnh lại nay già nửa,
 Mười việc xem ra chín chẳng vừa
 Danh lợi mơ chi cho khó nhọc ?
 Làng say ở mãi đã sao chưa ?*

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

(1) Nha lại : người giúp việc giấy tờ cho các quan thời phong kiến.

***Ngày xuân
khuyên con là Hoan***

*Ta đã từ quan, con lại quan,
Làm quan biết cách khó vô vàn.
Danh cao sợ lẩn lòng ngay mất,
Nhà khô nên làm chức nhỏ hơn,
Công việc ngày nào, ngày ấy liệu,
Khoan dung một chút, một phần ơn.
Con đi ! Mượn gió xuân này tiễn.
Làm thuốc ôn hòa để tặng con.*

Dặn con là Hoan

Chưa được làm quan những ước quan,
 Được làm mới thấy khó vô vàn.
 Thuyền chèo bể hoạn lòng nên nhẹ,
 Lợi bén hơi đồng mắt chớ tham !
 Dốc hết bạc vàng nay túi rỗng,
 Hồng chi đen đỏ lúc canh tàn !
 Con dù vẫn cậy thông minh đấy,
 Hãy chép lời cha dán trước bàn !

HOÀNG TẠO dịch

Cảm nghĩ lúc qua sinh từ quận công Nguyễn Hữu Độ⁽¹⁾

*Đền miếu thờ ai lộng lẫy thay !
Thờ ông “thứ nhất quận công” đây.
Ông còn, mũ áo hàng năm hợp,
Không được dự buồn, được dự may.
Ông mất, mũ áo không hợp nữa,
Lửa hương lạnh ngắt, lửa mọc đây.*

*Có ông “thứ nhì không tên”⁽²⁾ đến
Sớm hôm chống gậy vào chốn này.
Trên đời suy thịnh thường như vậy,
Biết nay chín tuổi ông theo ai ?*

NGUYỄN VĂN TÚ dịch

1. Nguyễn Hữu Độ làm quan đời Tự Đức, một tay sai đắc lực của thực dân Pháp hồi mới xâm lược nước ta.

(2) Tục ngữ có câu : “Thứ nhất quận công thứ nhì không lều”, “không lều” là những người nghèo đi xin ăn ở thời bấy giờ. Trong bài, tác giả đã đổi tiếng “không lều” làm “không tên” .

Tham một mình

Ngoảnh lại mười năm đã chán ghê !
Thói đời ngày một khác dần đi.
Lòng tham không chán, cá ăn cá,
Cùng giống tranh nhau, tre trói tre.
Chẳng biết vì ai nên nổi ấy ?
Trách nào bỏ sách, chuyện xưa kia.
Nhấn người quen thuộc nơi thành thị :
Gió bụi mà sao vẫn chưa về ?

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

Hồ Hoàn Kiếm

*Ba chục năm trời cảnh vắng ta,
 Hồ Gươm dấu cũ đã phai nhòa.
 Tranh tre khắp chốn thành lầu gác,
 Kèn sủng thâm đêm, bất trúc tơ.
 Chiếc én tìm về quên lối cũ,
 Đàn cò tối đậu lẫn sương mờ.
 Năm trăm năm cũ nơi văn vật,
 Còn sót hòn non một nắm tro !*

LÊ TƯ THỰC, NGUYỄN VĂN TÚ dịch

Lời than lúc cuối xuân

Bôn ba vừa chục năm tròn,
 Trở về, may mắn ta còn là ta.
 Vườn con, bướm ít bay qua,
 Quanh cây, tiếng quạ kêu la thì nhiều.
 Mắt lòa nào thấy trời đâu,
 Người hèn gò suối cũng đều hóa ngu.
 Dù không uống cạn nghìn hồ,
 Giang Nam cũng hạng anh đồ hơn ai ?

Mắng cái rừng

Thuở trẻ tao mày thân thiết sao !
 Miếng ăn miếng uống chẳng quên nhau.
 Tao nay già quên lại hay ốm,
 Lông lẻo xem mày sắp bỏ tao.
 Muốn đi sao chẳng đi cho rảnh,
 Bất tội người ta nhỡ nhớ đau.
 Thôi cút ! Không nên khua mép nữa,
 Như mày bội bạc, đời thiếu đâu !

Mùa hè năm Nhâm Dần (1902)

Hè này nóng khô quá !
 Cỏ khô, đầm cạn cả.
 Lại thêm ngọn gió tây,
 Vật gì chẳng tàn tạ ?
 Huống ta ốm lại nghèo,
 Tuổi gần kề bên mả,
 Giếng không phải không trong.
 Uống vào mô hôi vã.
 Cơm không phải không canh,
 Ăn vào nuốt chẳng đã.
 Đứng lẻ cũng chơ vơ,
 Cởi trần e suồng sã.
 Than ôi ! Khô trăm chiều !
 Sao lại còn nghiệt ngã ?

LÊ TƯ THỰC dịch

Ghi những điều nghe thấy trong cuộc đấu xỏ

Thi khéo bày ra kể có vắn,
 Khéo mà lại mới, khéo vô ngần !
 Kiền khôn ai đã khoan thành lỗ ?
 Vũ trụ qua đây mới thấy xuân.
 Y phục nước ngoài coi rất lạ,
 Chim muông rừng thẳm quý nào hơn.
 Xứ tôi xoàng xĩnh không gì khéo,
 Tượng gỗ cân đai gọi góp phần !

NGUYỄN VĂN TÚ dịch

Yêu cây quất

Yêu cúc cùng yêu sen,
 Mỗi người ưa mỗi mặt.
 Ta tính vốn yêu chung,
 Đến già chỉ yêu quất.
 Yêu vì cay không tê,
 Yêu vì chua không gắt.
 Yêu vì ngọt khác đường,
 Yêu vì đắng khác mật.
 Đã cho ta miếng ngon,
 Lại có công đã tật.
 Chẳng đua hương ngạt ngào,
 Chẳng chen nơi sầm uất.
 Vườn nhỏ từng sống quen,
 Hơi đông khó lòng nạt.
 Quân tử hử anh này !
 Bọn thường khó đo thật !

NGUYỄN VĂN TÚ dịch

Có người cho thịt

Đám kia ăn uống no nê,
Có người đem miếng thịt về tặng ta.
Tặng ta đâu sợ ta mà,
Thương ta cái bụng thường là rỗng không.
Ngâm ngủi khôn ngỏ nỗi lòng,
Tay cầm, mặt cúi, ròng ròng lệ rơi.
Gặp khi loạn lạc toi bời,
Lại thêm đói kém cho người khó khăn
Ơn người có ý ân cần,
Lòng ta đâu phải ngại ngần dịp may.

Tử Hoa ⁽¹⁾ ngựa béo cừu dày.
 Cũng còn xin thóc hũ đầy hũ voi.
 Đào Chu ⁽²⁾ thuyền lái rong chơi,
 Trâu dê cũng vẫn chăn nuôi đầy đàn,
 Uyên Minh ⁽³⁾ khi mới làm quan,
 Cũng ba luống cúc trồng bên cạnh nhà.
 Lạc Thiên ⁽⁴⁾ bị trích phương xa,
 Cũng còn giùm được ngôi nhà vài gian.
 Thương ta đau ốm, nghèo nàn,
 Phong trần lại quá ươn hèn hơn ai.
 Tuổi già, mình chẳng có tài,
 Lấy gì chống đỡ những ngày gieo neo ?

Không ăn, cái bụng đói meo,
 Ăn vào, cái nhục mang theo bên người.
 Không ăn, mình phải còm còi,
 Ăn vào, mang tiếng con người bê tha.
 Biết ta còn có Thúc Nha ⁽⁵⁾
 Cảm người, đâu được như là Vương Tôn ? ⁽⁶⁾
 Âu đành nhận lấy còn hơn,
 Kéo đi cửa khác van lơn cũng rầy.
 Chuyện trò chốc lát cùng khuây,
 Gió thanh đâu bỗng rung cây trúc già.

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

(1) Tử Hoa : Học trò Khổng Tử

(2) Đào Chu : Túc Phạm Lãi thời Xuân Thu

(3) Uyên Minh : Túc Đào Trần

(4) Lạc Thiên : Tên tự của Bạch Cư Dị đời nhà Đường

(5) Thúc Nha : đời Xuân Thu

(6) Vương Tôn : Hàn Tín đời nhà Hán

Mục lục

NGUYỄN KHUYẾN MỘT CON NGƯỜI,	MỘT
NHÀ THƠ VIỆT NAM ƯU TÚ	5
I. THƠ NÔM	17
Về hay ở	18
Trở về vườn cũ	19
Uống rượu ở vườn Bùi	20
Nghe hát đêm khuya	21
Tự trào	22
Tự thuật	23
Ngày xuân dặn các con	24
Lên lão	25
Ông phỗng đá	26
Ông phỗng đá	27
Lời gái góa	28
Anh giả điếc	29
Chế ông đồ Cự Lộc	30
Mẹ mốc	31
Mừng con dựng được nhà	32
Vịnh tiến sĩ giấy	33
Lời vợ anh phường chèo	35
Bổ tiên thi	36
Vịnh núi An Lão	37
Nhớ cảnh chùa Đọi	38

Chợ Đồng	39
Chơi chợ trời Hương Tích	40
Chơi núi Non Nước	41
Than mùa hè	42
Vịnh mùa hè	43
Thu vịnh	44
Thu điệu	45
Thu ẩm	46
Thấy đồ ve gái góa	47
Muốn lấy chồng	48
Mừng ông nghề mới đổ	49
Hỏi thăm quan tuần mất cướp	50
Tặng đốc học Hà Nam	51
Đĩ Cầu Nôm	52
Mừng đốc học Hà Nam	54
Hội Tây	55
Hoài cổ	56
Cuốc kêu cảm hứng	57
Chốn quê	58
Than nợ	59
Nước lụt Hà Nam	60
Vịnh lụt	61
Bạn đến chơi nhà	62
Lụt hỏi thăm bạn	63
Tặng bà Hậu Cẩm	64
Lấy Tây	65

Khóc Dương Khuê	66
Khai bút	69
Kiểu bản mình	70
Tổng vịnh Kiều	71
Tạ lại người cho hoa trà	72
Vịnh sư	73
Chừa rượu	74
Bóng đèn cô đầu	75
Than già	77
Cảm hứng	78
Cáo quan về ở nhà	79
Phú Đắc	80
Đại lão	81
Di chúc	82
II. THƠ DỊCH TỪ THƠ CHỮ HÁN	85
Đêm thu đứng trên núi trông	86
Mối cảm đêm thu	87
Núi Tam Điệp	88
Núi Dục Thúy	89
Đền trên núi Dạ	90
Thạch Hãn Giang	91
Chiều tối đi thuyền trên sông Thái	92
Lên núi Ngũ Hành lưu đê	93
Đêm xuân thương con thiếu thân	94
Cảm tác	95
Thơ say	96

Sau khi say	97
Giải buồn	98
Nói chuyện với sư	99
Gửi ông Bùi Ân Niên ở Châu Cầu	100
Ngày xuân dạy các con	101
Muối	102
Ngày trùng dương không mưa	103
Vịnh cúc	104
Tết tiểu hòa	106
Vịnh cây mai	107
Bán hàng đổi trướng	108
Vườn rau	109
Vườn nhỏ	110
An ủi ông lão đá	111
Đêm ba mươi tết	113
Tự thuật	114
Ngày xuân	116
Thủy tiên	119
Gương	120
Vẽ già	121
Trống ếch	122
Ngày hè	123
Mua cá	124
Xem gặt	125
Năm mất mùa	126
Chuột đói	128

Thấy kẻ nha lại đến	129
Ngày xuân khuyên con là Hoan	130
Dặn con là Hoan	131
Cảm nghĩ lúc qua sinh	
từ quận công Nguyễn Hữu Độ	132
Than một mình	133
Hồ Hoàn Kiếm	134
Lời than lúc cuối xuân	135
Mắng cái răng	136
Mùa hè năm Nhâm Dần (1902)	137
Ghi những điều nghe thấy	
trong cuộc đấu xảo	138
Yêu cây quất	139
Có người cho thịt	140

THI CA VIỆT NAM CHỌN LỌC

Thơ Nguyễn Khuyến

Chịu trách nhiệm xuất bản :

ĐẶNG TẤN HƯỚNG

<i>Biên tập</i>	:	HIẾU DŨNG
<i>Sửa bản in</i>	:	MINH PHÚC
<i>Bìa</i>	:	HS VĂN NGUYỄN
<i>Trình bày</i>	:	TUẤN MINH
<i>Thực hiện</i>	:	TRẦN TUẤN

In 1.000 cuốn, khổ 10 x 18 cm. In tại Xí nghiệp In số 4. Giấy trích ngang số 149/502 Cục xuất bản cấp ngày 13/04/2001. In xong và nộp lưu chiểu quý 2 năm 2002.